TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2019/HNGD-ST Ngày 09 tháng 5 năm 2019 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Việt Hà**

Bà **Mai Thị Trường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên toà*:* Ông Phạm Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HN&GĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Họ và tên: Lê Thị H; sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Khu Z, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ *(Vắng mặt có lý do).*

2. Bị đơn:

Họ và tên: Đỗ Văn T; sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên

Hiện đang chấp hành án tại Đội E, phân trại số B, Trại giam T, Cục Y; địa chỉ xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 10/01/2019; tại bản tự khai ngày 30/01/2019 nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Đỗ Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2012 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 chúng tôi có mâu thuẫn do

anh T nghiện chất ma túy và đến ngày 09/01/2017, anh T bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản. Mặc dù đã được tôi động viên nhiều lần mà anh T vẫn không thay đổi, nên tôi cảm thấy không thể sống chung với anh T được nữa, để đảm bảo cuộc sống của tôi và con tôi tốt đẹp hơn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Tôi và anh Đỗ Văn T có 01 người con chung là cháu Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/3/2013, hiện cháu đang sống cùng với tôi. Nguyện vọng của tôi sau khi ly hôn, tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh T không có.

*** Tại bản tự khai (***bút lục số 30***) ngày 03/02/2019 của bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày**:

Về Hôn nhân: Tôi và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn với nhau khoảng tháng 9/2012 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian đầu chung sống chúng tôi không mâu thuẫn gì với nhau. Đến khoảng đầu năm 2017 do tôi chơi bời nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nay chị H muốn ly hôn thì tôi cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị H có 01 người con chung, tên cháu là Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/3/2013, hiện cháu đang ở với chị H tại xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay tôi đang chấp hành án nên không có khả năng nuôi con, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi con đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và chị H không có.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lê Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

- Con chung: Giao cháu Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/3/2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu N đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu.

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 23/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tống đạt cho bị đơn.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ vì anh T đang chấp hành án tại tại Đội E, phân trại số B, Trại giam T, Cục Y; địa chỉ xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Do anh T đang chấp hành hình phạt tù không thể tham gia hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 23/4/2019, Nguyên đơn là chị Lê Thị H vắng mặt có lý do (Có đơn xin vắng mặt), bị đơn là anh Đỗ Văn T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 09/5/2019.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lê Thị H vắng mặt có lý do (Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn là anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 10/01/2019; tại bản tự khai ngày 30/01/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Lê Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ vào ngày 17/9/2012. Trước khi kết hôn hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, đầm ấm. Đến đầu năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn vì anh T nghiện chất ma túy và hiện nay anh T đang đi chấp hành án tại Đội E, phân trại số B, Trại giam T, Cục Y; địa chỉ xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Do vậy chị H làm đơn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Bị đơn anh Đỗ Văn T cũng đồng ý với yêu cầu của chị H. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được, anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ

vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H. Tuyên xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

**** Về con chung***: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Văn T có một người con chung là cháu Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/3/2013, hiện cháu đang sống cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T cũng đồng ý với ý kiến của chị H, anh chị có một người con chung, sau khi anh chị ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu Đỗ Lê Bảo N đủ 18 tuổi, vì hiện nay anh đang phải chấp hành án, không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N.

Xét thấy, nguyện vọng của chị H cũng như ý kiến của anh T về việc giao nuôi con chung, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị H và ý kiến của anh T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/3/2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu N đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của BLTTDS 2015.
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/3/2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi và và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết,

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AB/2010/01796 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Yên Kỳ, Hạ Hòa, Phú Thọ
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương